

**DANH MỤC CÁC KHOẢN THU, MỨC THU PHỤC VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2023-2024**

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo NQ 04/2023/ NQ- HĐND	Mức thu thực hiện Năm học 2023- 2024 của huyện	Mức thu thực hiện Năm học 2023-2024 của trường	Ghi Chú
I	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa					
1	Tiền tổ chức hoạt động kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa					
1.1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ	đồng/học sinh/tháng	80.000	50.000 - 80.000		
1.1.1	Anh văn mầm non	đồng/học sinh/tháng			80.000	
1.1.2	Thể dục nhịp điệu	đồng/học sinh/tháng			65.000	
1.1.3	Vẽ mầm non	đồng/học sinh/tháng			50.000	
1.1.4	Toán tư duy	đồng/học sinh/tháng			80.000	
2	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè	đồng/học sinh/tuần	500.000	170.000	140.000	Không bao gồm các khoản ăn sáng, ăn trưa, nước uống, ngoại khóa, ..
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án					
III	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú					
3	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	500.000	155.000	155.000	
4	Tiền phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	200.000	80.000	80.000	
5	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	400.000	230.000	230.000	
6	Tiền giữ trẻ mầm non ngoài giờ	đồng/học sinh/giờ	11.000	11.000	11.000	Không bao gồm các khoản ăn sáng, ăn trưa, nước uống, ngoại khóa, ..
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh					
7	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	đồng/học sinh/bộ	150.000	80.000 - 120.000	110.000	
8	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu	đồng/học sinh/năm				
8.1	Học phẩm	đồng/học sinh/năm	50.000	38.000 - 50.000	50.000	

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo NQ 04/2023/ NQ- HĐND	Mức thu thực hiện Năm học 2023- 2024 của huyện	Mức thu thực hiện Năm học 2023-2024 của trường	Ghi Chú
8.2	Học cụ - học liệu	đồng/học sinh/năm	450.000	Nhà trẻ: 50.000- 100.000; Mẫu giáo: 140.000 - 350.000	Nhà trẻ: 100.000 Mẫu: 220.000 Chòi: 240.000 Lá: 255.000	
9	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	32.000	28.000 - 32.000	30.000	
10	Tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/ngày	20.000	6.000 -10.000	8.000	
11	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	20.000	6.000 - 10000	10.000	
12	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	65.000	30.000 - 65.000	30.000	

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Học Môn: 17 tháng 10 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hoà